



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 31 (31/07-04/08/23)

Nợ vay và GDP

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index tiếp tục mở rộng đà tăng trong trung hạn*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Nợ vay và GDP*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiếp tục mở rộng đà tăng điểm*

5. TIN VĨ MÔ: *FED nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 5.25%-5.5%*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính +4.24%*

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tiếp tục mở rộng đà tăng trong trung hạn

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1207.67	1.84%
GTGD/phiên (tỷ VND)	18,983.85	17.72%
Khối ngoại (tỷ VND)	1160.78	
HNX-INDEX	237.54	1.09%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1754.62	11.02%
Khối ngoại (tỷ VND)	195.15	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4582.23	0.99%	1.01%	4.23%
EU (EURO STOXX)	4466.50	0.43%	1.71%	1.53%
China (SHCOMP)	3275.93	1.84%	3.42%	2.31%
Japan (NIKKEI)	32759.23	-0.40%	1.41%	-1.43%
Korea (KOSPI)	2608.32	0.17%	-0.06%	1.72%
Singapore (STI)	3371.17	1.01%	2.83%	5.15%
Thailand (SET)	1543.27	1.23%	1.45%	4.31%
Phillipines (PCOMP)	6625.26	-0.79%	-0.34%	2.43%
Malaysia (KLCI)	1450.35	-0.06%	2.61%	4.46%
Indonesia (JCI)	6900.23	0.05%	0.28%	3.53%
Vietnam (VNIndex)	1207.67	0.86%	1.84%	7.81%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1204.00	-0.70%	18,265	59,983
VN30F2305	1203.00	-0.78%	39	852
VN30F2306	1210.00	-0.20%	14	655
VN30F2309	1209.50	-0.24%	5	71

TTCK VIỆT NAM

VN-Index tăng vững chắc nhờ dòng tiền tăng trưởng và luân chuyển

TTCK thế giới tích cực, dòng tiền tăng trưởng và khối ngoại mua ròng là động lực giúp VN-Index vượt và giữ trên ngưỡng tâm lý 1,200 điểm. VN-Index tăng 1.8%, nối dài chuỗi 4 tuần tăng điểm liên tiếp. Lực mua vượt trội bên bán và thanh khoản tăng trưởng, khối ngoại bán ròng mua ròng 31 triệu USD cho thấy VNĐ khá lạc quan về triển vọng thị trường. Nhóm các cổ phiếu lớn vẫn đang phân hóa khi VHM, VNM và MSN tăng thì SAB, BCM và HPG lại giảm. Giá dầu tăng tốt giúp cho nhóm cổ phiếu dầu khí thu hút dòng tiền và bổ sung thêm cho vòng luân chuyển của dòng tiền cùng với ngành khác như xây dựng, BĐS. VN-Index vẫn tăng trong nghi ngờ, và tiếp tục hướng về vùng giá cao tại 1,280 – 1,300 điểm. VNĐ tiếp tục tận dụng cơ hội để tăng tỷ trọng nắm giữ ở các nhịp rung lắc cho hoạt động đầu tư trung hạn.

Dữ liệu FiinPro cho thấy 55% doanh nghiệp trên 3 sàn công bố KQKD quý II với LNST giảm 16.9% yoy và là quý thứ 3 liên tiếp sụt giảm lợi nhuận. Theo dữ liệu cập nhật mới nhất của chúng tôi, 59% doanh nghiệp trên HSX và HNX công bố với mức sụt giảm 9%yoy. KQKD tiếp tục phân hóa với 44% cổ phiếu tăng trưởng LNST dương so cùng kỳ. Nhóm 5 công ty có tăng trưởng lợi nhuận tuyệt đối lớn thuộc về nhóm chứng khoán gồm OCB (+538 tỷ), VIX (+507 tỷ), KDC (+463 tỷ), SHS (+438 tỷ) và APS (+378 tỷ). Các công ty có sụt giảm thuộc về Ngân hàng gồm TCB, DGC, LPB, DCM, GVR và SAB. 9 công ty thuộc VN30 có LNST tăng trưởng âm 19.5%, các NH có mức giảm 20%. KQKD đi nửa chặng đường và nhiều khả năng không có tăng trưởng cùng kỳ.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ tăng 3 tuần liên tiếp với các chỉ số vĩ mô lạc quan

Tăng trưởng GDP và chỉ số lạm phát lỗi xuống thấp nhất 2 năm tiếp tục giúp cho TTCK Hoa Kỳ giữ đà tăng điểm 3 tuần liên tiếp với mức tăng bình quân tuần ở mức 1.1%. Diễn biến tích cực cũng lan ra các thị trường khác khi EU600 tăng 1.1% và các thị trường Châu Á đồng loạt tăng điểm. TTCK Trung Quốc dẫn đầu đà tăng với mức tăng 3.4%. Chỉ số DXY tiếp tục hồi phục với mức tăng 0.6%, thu hẹp mức trong tháng chỉ còn 1.5%. Chỉ số hàng hóa cũng có mức tăng tốt 2.2%, dẫn đầu là đà tăng từ giá năng lượng (Dầu Thô +4.5%), hàng hóa nông nghiệp cũng tăng trong khi các mặt hàng kim loại giảm nhẹ. Tuần tới, cuộc họp OPEC diễn ra sẽ có ảnh hưởng đến giá dầu trong ngắn hạn.

FED nâng lãi suất thêm 0.25% lên mức 5.25% - 5.5%, mức cao nhất kể từ 2001 trong kỳ họp tháng 7. FED vẫn bỏ ngỏ khả năng tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 9 khi cho rằng lạm phát hạ nhưng còn cao so mục tiêu 2% và thị trường lao động vẫn rất tốt. FED sẽ đánh giá các dữ liệu để đưa ra quyết định tại từng kỳ họp sắp tới. Dữ liệu mới nhất cho thấy kinh tế Hoa Kỳ vẫn khá tích cực với mức tăng GDP 2.4% quý II trong khi chỉ số lạm phát lỗi tiếp tục giảm về 4.1%yoy. ECB cũng đã thực hiện tăng 0.25% lên mức 3.75% kỳ họp tháng 7 và chưa có thông điệp tăng LS trong tháng 9. Dữ liệu thông tin vĩ mô sau đây sẽ quyết định hành động của 2 NHTW này trong tháng 9.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Nợ vay và GDP*

Kể từ năm 2020, sự gia tăng về lượng tiền chảy vào nền kinh tế đã khiến cho tín dụng của Việt Nam vượt lên mức GDP danh nghĩa. Liệu hiện tượng này có tác động đáng kể gì đến nền kinh tế Việt Nam không? Chuyên đề tuần 31 của BSC đưa ra một góc nhìn về vấn đề này.

Xét đến hiện trạng thế giới, so sánh với các cường quốc và các quốc gia trong khu vực, chúng ta có thể thấy một số các quy mô kinh tế lớn như Trung Quốc và Hoa Kỳ hay các nước trong khu vực ĐNÁ như Malaysia và Thái Lan đang có số mức tổng nợ vay/GDP > 1. Trong các quốc gia này, Việt Nam (111.1%) xếp thứ 4 sau Trung Quốc (308.5%), Hoa Kỳ (129.1%) và Malaysia (113.4%).

Các quốc gia đều có chỉ số này tăng mạnh vào giai đoạn COVID-19 do hai nguyên nhân:

- GDP giảm tốc do các chính sách phong tỏa COVID-19 gây tác động tiêu cực lên hoạt động kinh doanh và tiêu dùng trong nền kinh tế.

- Khoản vay nợ gia tăng khi mức lãi suất thấp tạo điều kiện cho các hoạt động cho vay và đầu tư trong giai đoạn 2020-2021. (*Báo cáo tuần 25*).

Tác động chủ yếu của hiện tượng này cho tạo ảnh hưởng lớn chủ yếu đến tình trạng lạm phát. Chính sách nới lỏng làm gia tăng giá cả hàng hóa trong nền kinh tế và tạo nên vòng xoáy lạm phát rồi dẫn đến chu kỳ chính sách tiền tệ thắt chặt (*Báo cáo tuần 25*). Tốc độ thắt chặt nhanh chóng tạo nên các sự kiện phá sản của Credit Suisse, SVB bởi chính sách cho vay không kiểm soát và quản trị rủi ro lãi suất kém của những ngân hàng này.

Chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ và sự hồi phục kinh tế đã khiến các quốc gia phương Tây và Malaysia hạ được tỷ lệ tổng nợ vay/GDP xuống so với giai đoạn đỉnh cao năm 2020. Tuy nhiên, với các quốc gia trong giai đoạn cần kích cầu tăng trưởng như Việt Nam, Thái Lan, và Indonesia thì vẫn duy trì mức tổng nợ vay/ GDP cao. Đặc biệt, Việt Nam với mong muốn kích cầu tăng trưởng đang có mức độ nới lỏng chính sách tiền tệ đang tiến về thời kỳ COVID-19 (lãi từ 6% xuống 4.5%, mở room tín dụng, thị trường mở nới lỏng) thì nhiều khả năng con số này sẽ tiếp tục tăng trong năm nay.

Những diễn biến trên thế giới vừa qua đã cho thấy nếu con số này quá cao sẽ xảy ra hai hiện tượng:

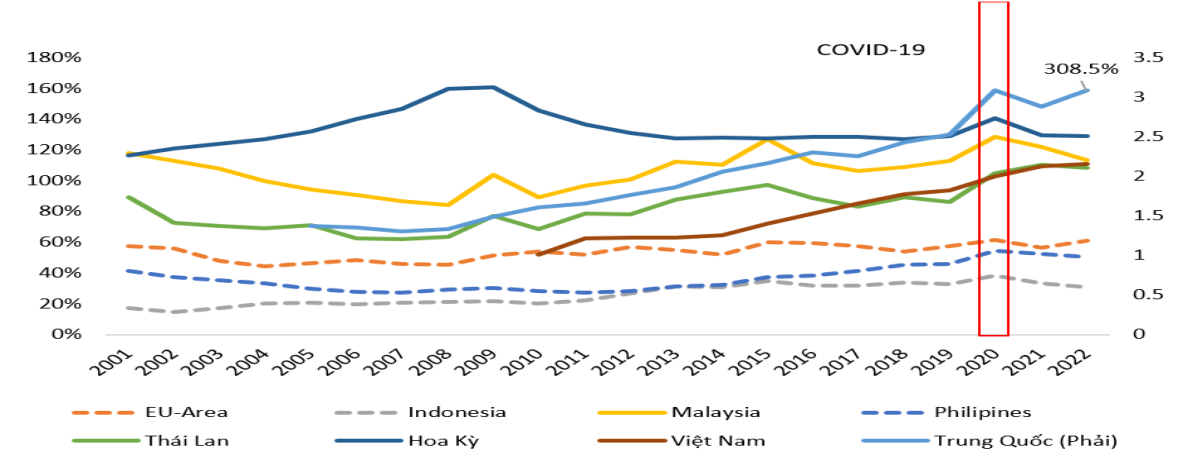
- Lạm phát tăng mạnh vượt mức kiểm soát của các NHTW.
- Xảy ra các vụ việc phá sản tại các ngân hàng quản trị rủi ro kém

Xét về Việt Nam hai hoạt động này đã được ngân hàng nhà nước kiểm soát và theo dõi:

- Đà tăng lạm phát đang được kiểm soát và duy trì ở mức thấp từ tháng 03 đến thời điểm hiện tại. Yếu tố này đang ở trạng thái khá an toàn và ổn định.
- Tỷ lệ nợ xấu đang có xu hướng gia tăng trong 6 tháng đầu năm nay chủ yếu do mức lãi suất cao gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Yếu tố này đang cần được xem xét theo dõi thêm. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, với mức lãi suất hạ thấp và nghị định gia hạn TPDN sẽ giúp cho ngân hàng và doanh nghiệp có thêm thời gian tái cơ cấu nợ và giảm tỷ lệ nợ xấu so với thời điểm 6T2023.

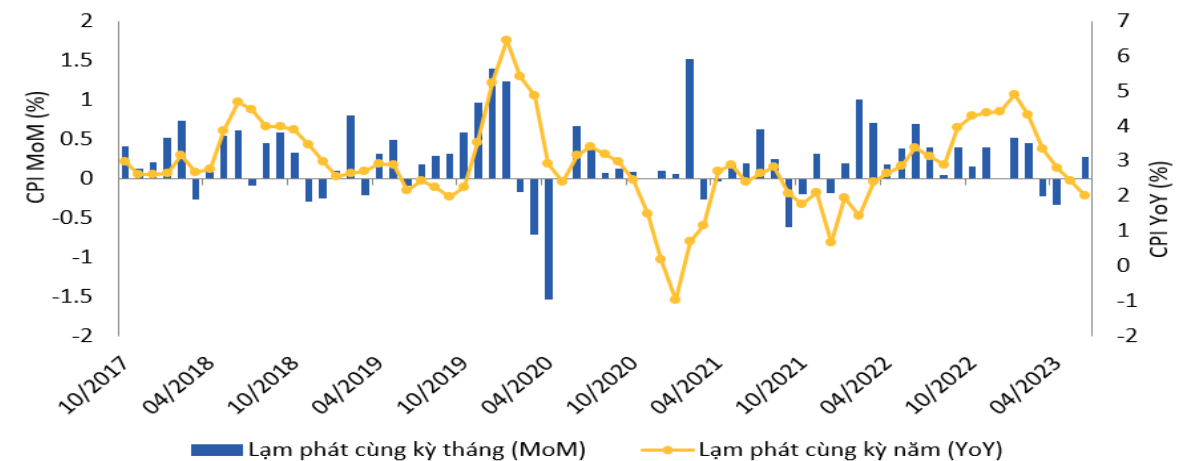
Tóm lại, tổng nợ vay/ GDP >1 nếu các quốc gia đang duy trì chính sách kích cầu tăng trưởng mạnh mẽ. Tổng tín dụng/GDP của VN sẽ tiếp tục tăng trong năm nay khi các chính sách kích thích kinh tế duy trì cho đến hết năm. Nếu con số này tiếp tục tăng lên cao và không kiểm soát sẽ tạo áp lực lên lạm phát và tỷ lệ nợ xấu trong nhóm ngân hàng trong năm 2024.

Đồ thị 01: Tổng nợ vay/GDP danh nghĩa



Nguồn: Bloomberg, CEIC, ECB, FED

Đồ thị 02: Lạm phát Việt Nam



Nguồn: Bloomberg

- Báo cáo tuần 25:

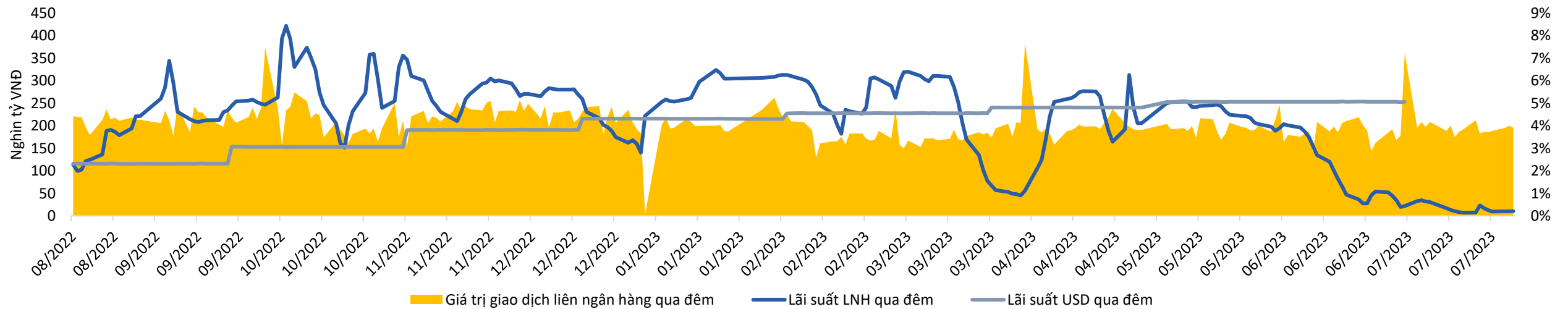
[Link](#)

- Báo cáo về sự kiện phá sản của Credit Suisse, SVB:

[Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.20%	0.43%	0.66%	1.98%	3.85%	5.89%	6.78%
So với tuần trước	-0.07%	0.00%	0.04%	0.23%	-0.40%	-0.62%	-1.15%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	196,986.33	18,396	7,582	3,540	2,305	202	59
So với tuần trước	3.10%	33.11%	-28.00%	130.38%	-29.46%	-59.92%	125.64%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 26/07/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

PTKT VN-INDEX: VN-Index tiếp tục mở rộng đà tăng điểm

Đồ thị ngày: Xu hướng tăng điểm tiếp tục củng cố khi VN-Index chỉ mất 1 phiên để lấy lại ngưỡng tâm lý 1,200 điểm. Chỉ số tiếp tục có thêm một cây nến chỉ hướng maruboru vào cuối tuần. VN-Index không còn bám dải bollinger band trên cũng như chưa có dấu hiệu phân kỳ cho thấy chỉ số đang được củng cố vững chắc. Các chỉ báo kỹ thuật duy trì ở vùng quá mua với thanh khoản tăng trưởng.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ mức 75 lên 82 điểm
- MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên và giữ trên mức 0. Thanh khoản tăng 7% so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA đồ thị tuần, giá bám dải bollingerband trên.

Kết luận: Xu hướng tăng điểm vẫn khá bền với những cây nến chỉ hướng sau một vài phiên giằng co rũ cổ phiếu ở vùng giá thấp. VN-Index tiếp tục củng cố ngưỡng tâm lý 1,200 điểm và tạo đà tăng điểm hướng tới các vùng giá cao hơn SMA 100 tuần tại 1,237 điểm và bước sóng 3 của chu kỳ trung hạn tại 1,280 điểm trong 1-2 tuần tới. Thanh khoản tiếp tục tăng trưởng và sự luân chuyển nhịp nhàng giữa các nhóm ngành giúp đà tăng VN-Index ổn định.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *FED* nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 5.25%-5.5%

VIỆT NAM:

- Fed: nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 5.25%-5.5%, mức cao nhất kể từ đầu năm 2001.
- Eurozone: ECB nâng lãi suất điều hành thêm 0.25%, đưa lãi suất cơ bản lên mức 3.75%. Đây là lần nâng lãi suất thứ 9 liên tiếp của ECB kể từ tháng 7/2022.
- Hoa Kỳ: Tăng trưởng GDP +2.4% trong quý 2 (dự báo: +2%).
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc vào ngày 22/07/2023 ghi nhận 221 nghìn (dự kiến: 235 nghìn).
- Hoa Kỳ: Doanh số bán nhà mới tháng 6/2023: 697 nghìn căn (Dự kiến: 725 nghìn căn), trước đó: 715 nghìn căn.
- Hoa Kỳ: Đơn xin thế chấp MBA tuần kết thúc ngày 21/07/2023 -1.8%.
- Pháp: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 7/2023 đạt 85 (Dự kiến: 86), trước đó: 85.
- Đức: PMI sản xuất tháng 7/2023 đạt 38.8 (Dự kiến: 41), trước đó: 40.6.
- Anh: PMI dịch vụ tháng 7/2023 đạt 51.5 điểm, thấp hơn dự báo 53 điểm (trước đó: 53.7 điểm).
- Anh: PMI sản xuất tháng 7/2023 đạt 45 điểm, thấp hơn dự báo 46.1 điểm (trước đó: 46.5 điểm).
- Hàn Quốc: GDP quý 2/2023 +0.9% YoY, vượt dự báo +0.8% YoY (trước đó: +0.9% YoY).
- Trung Quốc: hứa hẹn tung ra gói hỗ trợ có tính kích thích mạnh hơn.
- Nhật Bản: CPI tháng 7/2023 +2.9% YoY (dự báo: +2.8% YoY; mục tiêu: +2% YoY).

THẾ GIỚI:

- Phó Thủ tướng: Ký Quyết định số 893/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Phó Thủ tướng Chính phủ: ký Quyết định 866 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó đáng chú ý là thông tin Chính phủ yêu cầu phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đất hiếm một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững.
- NHNN: 5T2023, tiền gửi của dân cư vào hệ thống ngân hàng tăng thêm 400,000 tỷ đồng, (+8.21%) so với cuối năm 2023. Trong khi đó, tiền gửi của các tổ chức kinh tế chảy vào hệ thống ngân hàng giảm 3.45%.
- Thông tư 06/2023/TT-NHNN: Từ 1/9, khách hàng vay phục vụ đời sống có thể đến vay ngân hàng này để trả nợ trước hạn ở ngân hàng khác.
- Nghị quyết số 105/NQ-CP: Chính phủ đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, giảm mức phí công đoàn từ 2% xuống 1% (tức giảm 50% kinh phí công đoàn) và giãn thời hạn nộp kinh phí trong năm 2023.
- Phó Thống đốc NHNN: cho biết trong thời gian tới sẽ chuyển đổi cơ cấu tín dụng sang các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ.
- Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (NHNN): Gói tín dụng 120,000 tỷ đồng: Hơn 1,000 tỷ đồng đã được cam kết cho vay.
- NHNN – chi nhánh HCM: Lượng kiều hối chuyển về TP.HCM trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt hơn 4.33 tỷ USD, tăng 37% YoY.
- Thị trường bảo hiểm 6 tháng đầu năm: Hầu hết các chỉ tiêu đều tăng.
- Bộ Tài chính: Nửa đầu năm, Thanh tra tài chính thu nộp ngân sách hơn 8,000 tỷ đồng từ xử lý sai phạm.

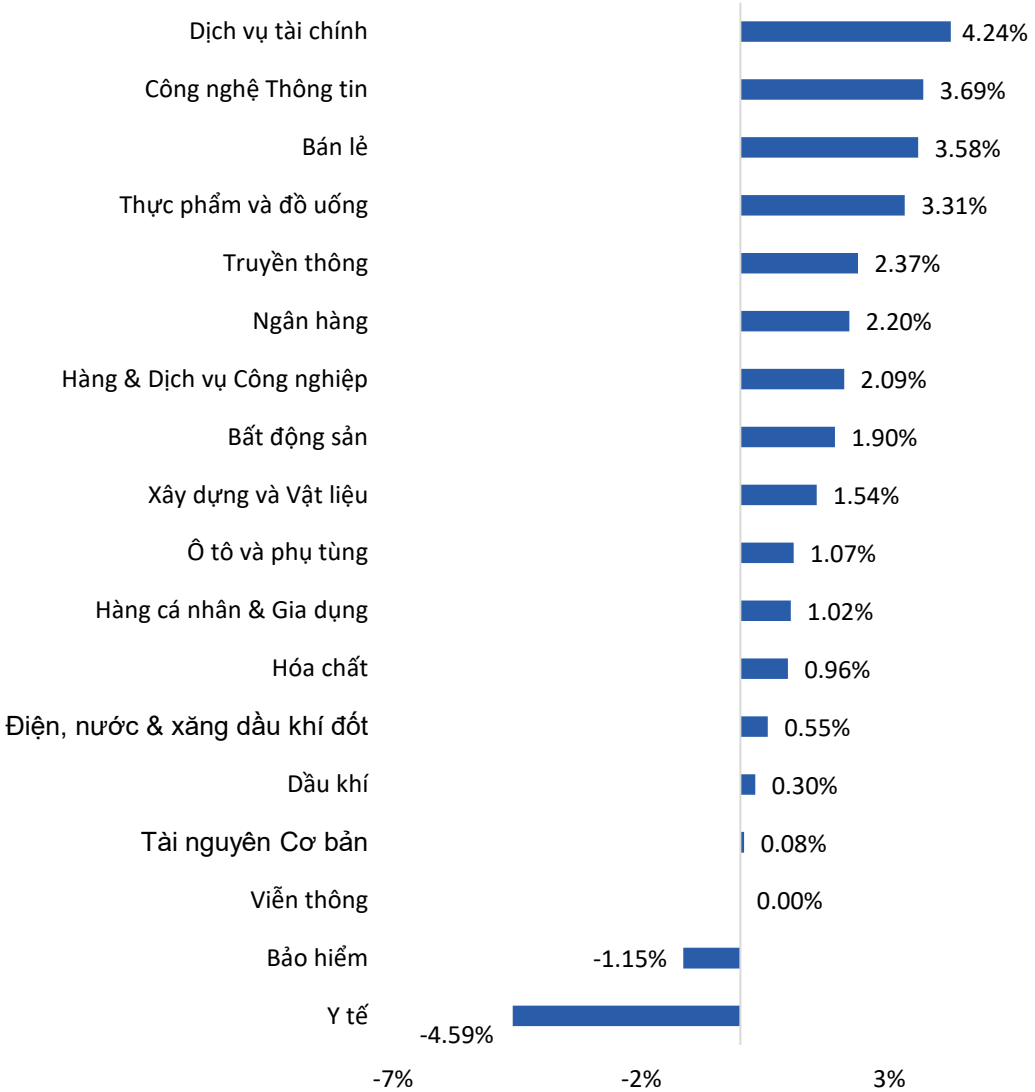
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền vận động luân chuyển trong mùa công bố KQKD quý II;
- Thông tin kinh tế vĩ mô tháng 7/2023;
- 31/7, PMI Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ và chỉ số niềm tin tiêu dùng Nhật Bản; CPI và GDP EU. 1/8, PMI Anh, Canada, EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ; Lãi suất và biên bản lãi suất NHTW Australia. 2/8, Thay đổi bản lương phi nông nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 3/8, PMI dịch vụ EU và Hoa Kỳ; cuộc họp OPEC; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOE; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 4/8, Tỷ lệ thất nghiệp Canada và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Dịch vụ tài chính	0.95%	4.24%	10.61%	SSI	3.48%	
Công nghệ Thông tin	-0.03%	3.69%	11.94%	FPT	4.20%	CMG 0.84%
Bán lẻ	-0.92%	3.58%	23.12%	MWG	4.81%	PNJ 3.25%
Thực phẩm và đồ uống	0.38%	3.31%	8.14%	VNM	5.31%	MSN 3.73%
Truyền thông	0.79%	2.37%	-1.62%	YEG	3.31%	FOC -3.57%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	80.58	0.61%	4.55%	18.67%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	84.99	0.89%	4.84%	14.48%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	295.58	0.18%	5.50%	22.03%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,959.49	0.69%	-0.12%	2.74%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.34	0.87%	-1.09%	7.26%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,382.50	-1.11%	-1.37%	6.82%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	704.25	-1.19%	0.97%	0.75%		AFX
Sữa	USD/cwt	13.81	0.07%	0.00%	-3.76%	VNM, GTN, QNS	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	199.20	-0.50%	-1.39%	-3.11%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	23.92	-2.09%	-4.36%	4.09%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	157.90	-2.20%	-2.44%	-5.42%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,662.50	1.09%	2.49%	4.94%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,841.00	-0.57%	0.79%	3.34%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,222.00	0.77%	0.79%	2.23%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	837.00	-2.39%	-0.95%	1.64%		HPG
Than đá	USD/MT	148.00	-2.57%	0.20%	-3.27%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	572.65	0.56%	4.66%	8.53%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

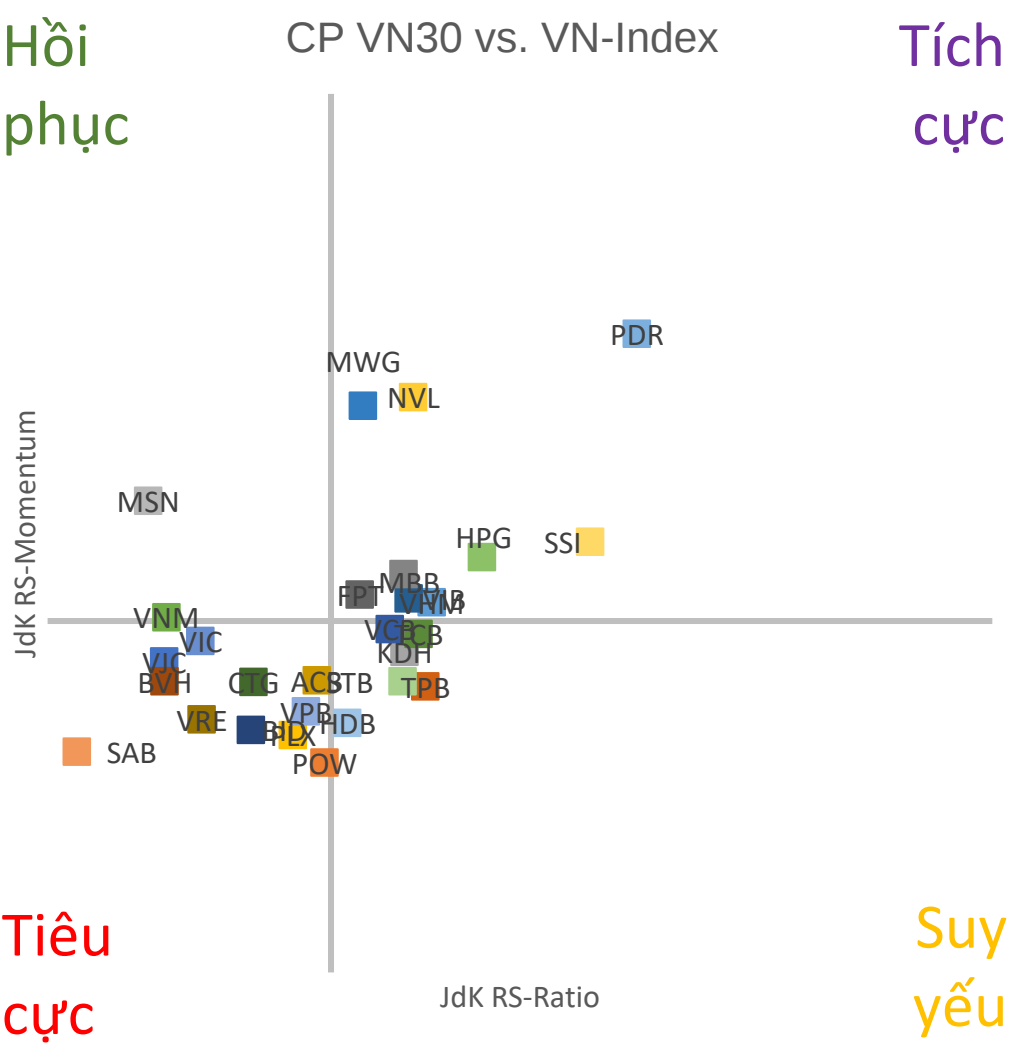
Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	0.05%	5.35
VNM	0.05%	2.04
TCB	0.04%	1.21
NVL	0.13%	1.08
FPT	0.04%	0.97
MSN	0.03%	0.77
GAS	0.01%	0.49
KDH	0.07%	0.46
VPB	0.01%	0.43
SSI	0.04%	0.41
Tổng		13.21

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-0.01%	-0.49
CTG	-0.01%	-0.43
BCM	-0.02%	-0.32
DHG	-0.06%	-0.26
VHM	0.00%	-0.22
GVR	-0.01%	-0.20
VIB	-0.01%	-0.16
BID	0.00%	-0.14
BVH	-0.01%	-0.11
PPC	-0.07%	-0.10
Tổng		-2.43

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	303.70	0.01
HPG	222.68	26.31
KDH	220.95	38.72
VNM	207.60	54.09
HSG	160.30	18.42
SHS	157.09	10.89
HDB	146.69	19.95
MSN	125.23	30.27
GEX	80.92	12.09
VND	80.63	23.58
Tổng	1,705.78	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNZ	-1091.59	
MSB	-304.96	
KDC	-152.34	21.47
CTG	-150.91	27.03
VIC	-129.61	13.04
STB	-120.93	24.02
POW	-109.52	6.58
CEO	-86.93	5.16
DGW	-81.44	23.88
VCB	-51.45	23.55
Tổng	-2279.68	

Vận động cổ phiếu VN30			
VHM	105.3387	100.5253	20.20%
VIB	104.1227	100.6342	19.42%
BVH	91.21078	98.27513	2.53%
FPT	101.5404	100.7464	25.24%
PDR	116.2008	108.1674	58.33%
NVL	104.369	106.3615	35.42%
HPG	108.0093	101.8108	31.93%
MWG	101.7024	106.1191	41.45%
MBB	103.8486	101.3268	21.81%
GVR	112.7799	103.6955	36.22%
SSI	113.7321	102.2512	44.16%
VNM	91.2989	100.1017	12.17%
MSN	90.33241	103.4126	16.19%
GAS	91.72568	100.074	7.92%
KDH	103.901	99.1151	21.69%
TPB	105.0023	98.13432	8.91%
VCB	103.1317	99.76425	19.77%
TCB	104.6458	99.62361	17.77%
HDB	100.88	97.08886	7.78%
STB	103.8026	98.2739	14.83%
POW	99.6733	95.96644	3.83%
PLX	97.99411	96.74677	5.95%
VJC	91.18457	98.83829	1.88%
VRE	93.17524	97.19707	6.08%
BID	95.77862	96.88992	4.01%
CTG	95.90419	98.2548	4.98%
SAB	86.56678	96.2768	-3.42%
VIC	93.10213	99.42206	-5.33%
ACB	99.25843	98.30032	6.31%
VPB	98.68575	97.42546	13.62%



Nguồn: Bloomberg

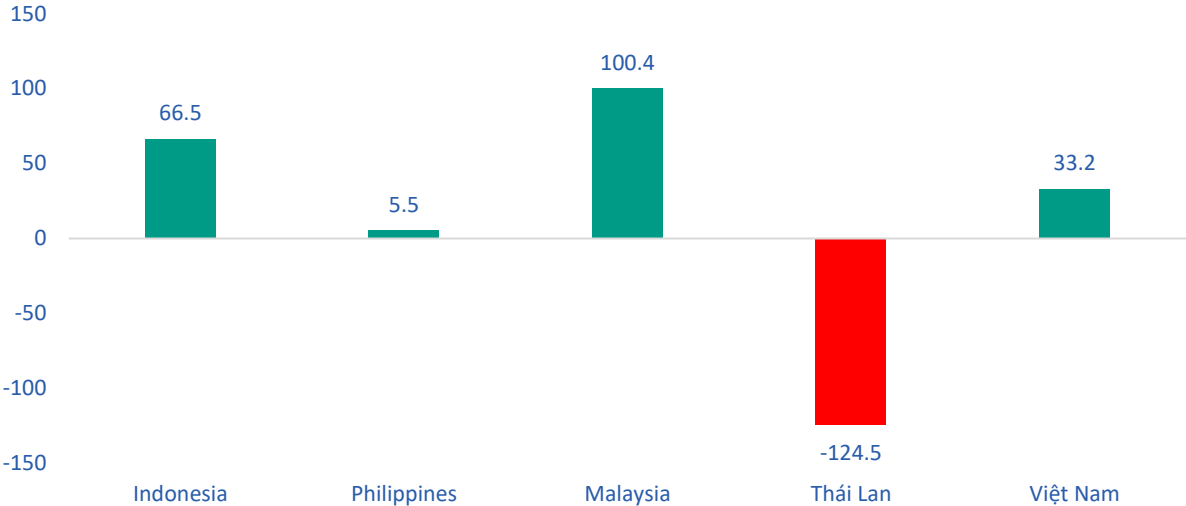
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	81.1	208.7	208.7	(3,236.6)
Indonesia	66.5	327.8	327.8	1417.9
Philippines	5.5	63.5	63.5	-403.9
Malaysia	100.4	211.1	211.1	-718.2
Thái Lan	-124.5	-367.9	-367.9	-3474.7
Việt Nam	33.2	-25.8	-25.8	-57.7
Các nước khác	(137.6)	2,262.2	2,262.2	32,621.7
Hàn Quốc	-316.5	892.2	892.2	8836.5
Đài Loan	-187.7	-2718.5	-2718.5	8528.8
Ấn Độ	362.6	4081.4	4081.4	15247.4
Sri Lanka	4.00	7.10	7.10	9.00

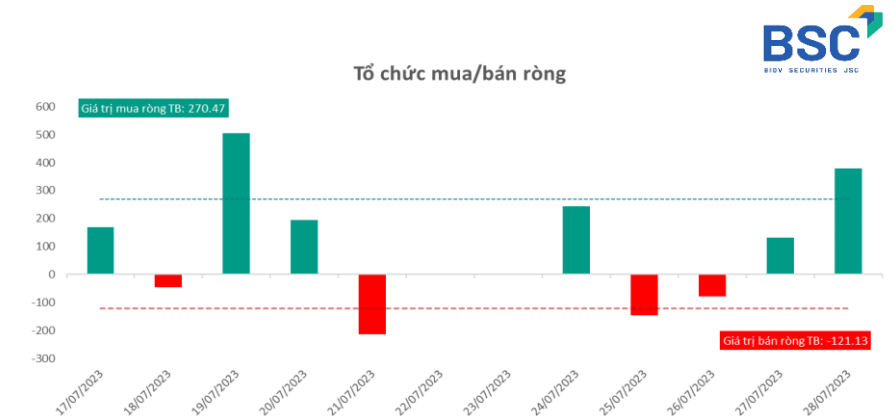
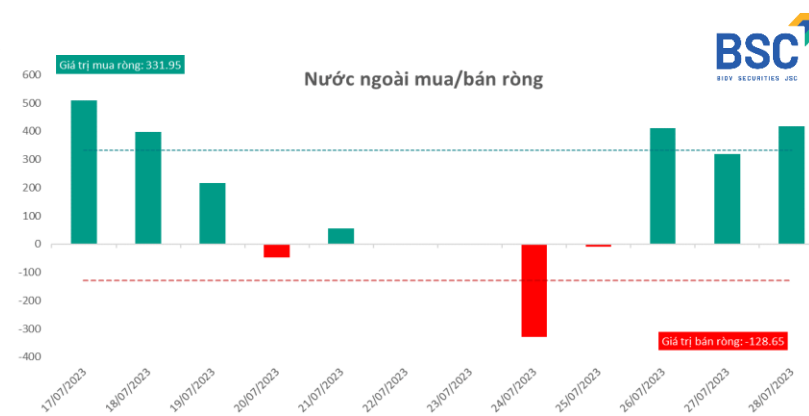
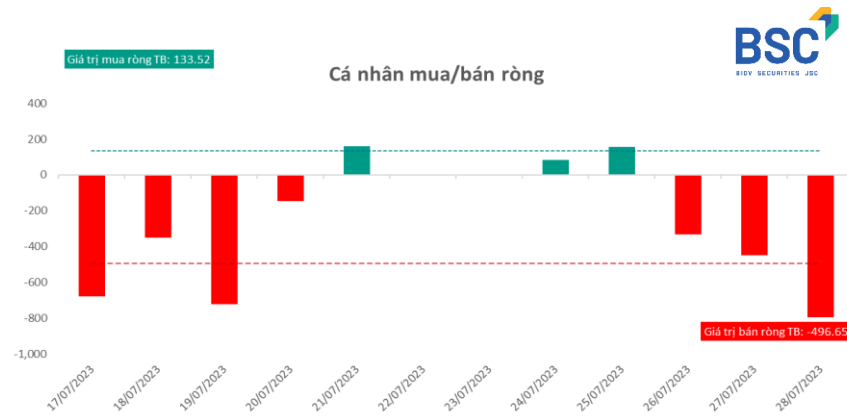


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23					Jul-23					Aug-23	
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	W30	Tổng		
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.58	0.67	250.13		
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	2.28	255.21		
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	(2.74)	63.49		
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	2.81	5.02	89.72		
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	0.00	0.00	64.38		
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	0.00	37.62		
ETF nội	(1.36)	#####	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.57	(1.61)	(5.08)		
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.11)	(0.32)	(0.19)		
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	0.68	0.43	(3.79)		
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	-	(1.72)	(1.10)		

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
EVF	17,003,851	160.69	FUEKIV30	22,004,800	-171.96	VHM	5,274,300	303.70	MSB	22,368,700	-304.96	MSB	22,529,863	306.95	VHM	6,212,860	-358.80
VPB	6,933,356	150.64	NVL	5,906,967	-94.47	HPG	7,846,800	222.68	KDC	2,536,400	-152.34	VIC	3,837,215	196.70	HPG	11,915,949	-337.89
PNJ	1,850,762	149.44	EIB	4,775,200	-92.80	KDH	6,329,000	220.95	CTG	5,091,600	-150.91	CTG	5,672,794	168.14	VNM	4,515,423	-322.18
FPT	1,087,517	89.60	FUEVFNVD	2,462,100	-64.44	VNM	3,007,500	207.60	VIC	2,527,700	-129.61	KDC	2,541,077	152.64	KDH	7,969,453	-277.25
VSC	2,149,824	74.81	BCG	5,534,125	-55.67	HSG	8,540,700	160.30	STB	4,268,500	-120.93	STB	5,016,789	141.28	HSG	13,468,150	-252.31
KOS	1,704,733	61.20	SSI	1,152,932	-33.64	HDB	8,509,900	146.69	POW	8,195,600	-109.52	POW	8,165,956	109.06	VPB	9,360,388	-203.03
MWG	934,052	49.46	FUEMAVND	2,317,200	-25.29	MSN	1,485,400	125.23	DGW	1,538,000	-81.44	DGW	1,818,277	96.28	PNJ	2,089,171	-170.15
E1VFN30	2,371,600	48.60	VNM	237,711	-17.92	GEX	3,639,400	80.92	VCB	517,700	-51.45	DIG	3,210,371	81.76	EVF	17,182,851	-162.56
STB	1,266,891	35.75	VND	607,740	-11.44	VND	4,102,900	80.63	HCM	1,552,800	-47.42	VCG	2,664,600	67.33	MSN	1,733,652	-147.34
HSG	1,796,674	33.52	VCI	264,742	-11.40	NVL	4,650,600	78.23	PLX	1,125,200	-45.31	PLX	1,654,267	66.72	HDB	6,873,999	-118.44

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 30, BSC30 **+1.64%**. Các mã diễn biến tích cực: **KDH** (+11.87%), **PVD** (+5.38%), **VNM** (+5.31%).
- **BSC50:** Trong tuần 30, BSC50 **+1.37%**. Các mã diễn biến tích cực: **NVL** (+21.12%), **DXG** (+15.20%), **BCG** (+10.20%).
(Chi tiết danh mục tại trang 13, 14, 15)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại: [Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	93	0.32%	0.83	22,599.41	4.49	7,311.00	12.72	105,000	23.59%	Link
BID	Ngân hàng	46.7	0.00%	0.98	10,271.00	3.57	4,208.00	11.10	54,578	17.28%	Link
VPB	Ngân hàng	22.1	1.61%	1.14	6,450.51	17.24	3,972.00	5.56	23,685	28.09%	Link
TCB	Ngân hàng	33.8	2.11%	1.44	5,168.81	8.16	14,982.00	2.26		17.64%	Link
MBB	Ngân hàng	18.7	0.54%	1.39	4,239.28	5.69	14,982.00	1.25	24,400	17.64%	Link
STB	Ngân hàng	28.65	1.96%	1.28	2,348.32	24.60	4,640.00	6.17	31,200	30.00%	Link
GVR	BĐS KCN	22	1.38%	1.10	3,826.09	3.76	4,603.00	4.78	19,100	23.23%	Link
KBC	BĐS KCN	32.8	0.77%	1.63	1,094.67	11.67	4,880.00	6.72	29,800	29.17%	Link
IDC	BĐS KCN	45.3	0.67%	1.77	649.96	5.46			52,400	42.84%	Link
VGC	BĐS KCN	47.7	2.36%	1.76	929.84	2.28	1,217.00	39.19		0.55%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.3	-0.35%	1.00	7,154.71	28.01	1,916.00	14.77	25,000	23.42%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	58.9	2.43%	0.89	11,150.97	7.21	1,896.00	31.07	68,300	10.63%	Link
VRE	BĐS	29	1.05%	1.12	2,845.34	8.14	5,227.00	5.51	36,200	23.92%	Link
KDH	BĐS	36.75	3.52%	0.40	1,145.37	5.42	1,576.00	23.32	37,700	32.47%	Link
NLG	BĐS	39.2	0.38%	1.61	654.61	6.08	2,557.00	15.33	38,100	44.94%	Link
DGC	Phân bón	72.6	1.82%	1.50	1,198.78	9.53	14,120.00	5.14	60,500	18.41%	Link
DPM	Dầu khí	38.6	2.66%	1.28	656.76	7.78	6,793.00	5.68	42,000	3.01%	Link
DCM	Dầu khí	30.5	3.57%	0.80	702.03	7.91	2,625.00	11.62	29,000	18.11%	Link
GAS	Dầu khí	99.5	1.32%	0.72	8,279.91	2.31	2,292.00	43.41	122,300	41.13%	Link
PLX	Dầu khí	40.05	0.38%	1.13	2,212.49	2.77	1,340.00	29.89	45,000	20.38%	Link
PVS	Dầu khí	34.4	0.88%	1.15	714.87	8.36	993.00	34.64	33,000	6.25%	Link
PVD	Dầu khí	26.45	2.52%	1.41	639.26	9.63	7,698.00	3.44	26,000	49.00%	Link
POW	Tiện ích	13.55	1.88%	1.11	1,379.67	9.85	3,895.00	3.48	14,500	55.81%	Link
VNM	Bán lẻ	77.4	2.25%	1.20	7,033.15	18.25	2,605.00	29.71	84,500	30.59%	Link
MSN	Bán lẻ	86.1	2.26%	1.21	5,356.33	8.31	3,456.00	24.91	96,000	49.00%	Link
MWG	Bán lẻ	54.5	0.74%	1.48	3,465.63	9.08	7,475.00	7.29	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	82.6	2.10%	0.78	1,177.95	4.54	2,965.00	27.86	95,000	29.02%	Link
VHC	Thủy sản	75.9	-0.52%	1.22	605.14	2.56	12,800.00	5.93	67,500	30.47%	Link
GMD	Logistics	57.7	0.35%	0.65	756.07	2.39	7,059.00	8.17	57,000	48.84%	Link
FPT	Công nghệ	84.4	0.84%	0.77	4,660.23	3.27	5,901.00	14.30	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.5	0.51%	1.14	6,163.90	6.67	3,520.27	8.38	1.26	27.05%	16.13%
ACB	Ngân hàng	22.2	0.23%	1.02	3,748.95	8.32	3,742.40	5.93	1.38	30.00%	26.25%
HDB	Ngân hàng	17.25	0.29%	0.87	2,169.41	2.12	2,738.16	6.30	1.28	19.80%	22.62%
LPB	Ngân hàng	16.3	-1.21%	1.47	1,225.41	4.35	2,134.86	7.64	1.11	4.13%	15.94%
VIB	Ngân hàng	20.75	0.48%	1.31	2,288.64	2.43	3,469.03	5.98	1.61	20.50%	29.67%
VND	Chứng khoán	20.3	4.64%	1.98	1,074.88	48.21	467.00	43.47	1.64	23.58%	3.84%
TPB	Ngân hàng	18.7	0.81%	1.08	1,790.02	5.83	2,696.75	6.93	1.33	28.91%	19.79%
SSI	chứng khoán	29.75	1.02%	1.72	1,939.10	16.92	1,119.93	26.56	1.95		7.91%
CII	Xây dựng	20.45	-0.73%	1.92	252.53	10.26	217.60	93.98	0.96	9.11%	1.02%
C4G	Xây dựng	14.5	0.69%	2.10	212.51	1.91	790.73	18.34	1.33	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	73.6	6.98%	1.97	238.13	5.74	183.95	400.10	0.66	49.00%	0.16%
HHV	Xây dựng	15.95	0.31%	1.69	228.40	5.10	903.05	17.66	0.72	4.85%	3.89%
LCG	Xây dựng	14	0.35%	2.15	117.08	7.33	492.27	28.85	1.06	3.26%	6.14%
BCM	KCN	78	-0.64%	0.91	3,510.00	0.39	1,170.44	66.64	4.76	2.73%	8.07%
HUT	KCN	20.4	0.99%	1.53	309.22	2.93	161.84	126.05	1.83	1.90%	1.44%
PHR	KCN	52.5	-0.57%	1.46	309.29	0.89	6,556.81	8.01	2.13	15.23%	26.78%
SZC	KCN	37	0.00%	1.94	193.04	1.61	1,393.05	26.56	2.73	3.05%	10.78%
HSG	Vật liệu	19.3	2.93%	2.09	516.89	17.61	(1,693.61)		1.15	18.09%	-9.56%
HT1	Vật liệu	16.7	0.00%	1.55	277.07	0.99	166.19	100.49	1.29	3.44%	1.25%
NKG	Vật liệu	19.8	0.76%	2.29	226.65	7.37	(2,585.96)		0.99	10.70%	-11.84%
PTB	Vật liệu	51.8	0.58%	1.12	150.76	0.75	6,016.80	8.61	1.28	16.80%	15.72%
KSB	Vật liệu	32	1.59%	1.75	106.15	2.98	1,392.77	22.98	1.25	3.34%	5.58%
NVL	BĐS	18.35	2.80%	0.99	1,555.84	56.39	362.35	50.64	0.97	3.79%	1.93%
DXG	BĐS	18.95	4.99%	2.30	502.61	23.80	(239.59)		1.26	18.39%	-1.63%
HDC	BĐS	38.6	-2.03%	1.59	226.74	8.15	2,189.16	17.63	2.82	1.99%	17.18%
DIG	BĐS	25.6	-1.54%	2.61	678.79	46.21	261.72	97.81	2.29	5.70%	2.12%
IJC	BĐS	16.05	7.00%	2.04	175.74	5.66	1,491.22	10.76	1.10	6.43%	10.20%
BSR	Dầu khí	18.6	1.09%	1.41	2,507.36	7.87	4,750.00	3.92	1.13	0.39%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.5	0.86%	1.19	330.69	4.02	2,740.01	8.58	1.23	14.49%	15.37%
PLC	Săm lốp	39.3	-0.25%	1.80	138.06	0.56	1,355.49	28.99	2.52	1.26%	8.19%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	23.5	0.21%	1.26	121.38	0.52	1,970.51	11.93	1.60	9.99%	13.40%
REE	Tiện ích	68	1.34%	0.77	1,208.35	3.75	6,714.22	10.13	1.75	49.00%	18.57%
GEX	Tiện ích	22.55	-1.31%	1.97	834.84	15.91	371.99	60.62	1.57	12.02%	2.55%
NT2	Tiện ích	29.25	0.52%	0.75	366.10	0.92	2,473.17	11.83	1.80	15.52%	15.62%
HDG	Tiện ích	33.4	1.83%	1.72	444.01	2.61	3,774.53	8.85	1.82	25.05%	22.63%
PC1	Tiện ích	28.2	-0.53%	1.35	331.57	2.89	1,257.41	22.43	1.49	5.99%	6.82%
GEG	Tiện ích	15.45	0.00%	1.12	229.23	0.90	901.85	17.13	1.71	46.44%	5.74%
BCG	Dầu khí	10.8	1.41%	2.23	250.50	9.45	220.40	49.00	0.86	1.73%	1.50%
SAB	Bán lẻ	157	-2.00%	0.14	4,377.44	2.24	6,863.00	22.88	4.16	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	52.4	-0.76%	0.57	813.20	1.59	4,226.00	12.40	2.12	16.91%	17.50%
FRT	Bán lẻ	78.3	0.38%	1.53	463.82	3.74	1,620.00	48.33	5.33	32.84%	11.52%
DGW	Bán lẻ	53.5	-1.11%	1.96	388.63	5.72	3,066.11	17.45	3.45	24.34%	21.73%
DBC	Bán lẻ	25	-1.18%	2.05	264.10	7.89	(48.07)		1.31	6.57%	-0.25%
PET	Bán lẻ	30	1.35%	2.32	128.89	0.75	1,025.57	29.25			4.26%
BAF	Bán lẻ	23.15	-1.07%		144.46	2.61	1,408.62	16.43	1.76	0.06%	11.80%
ANV	Thủy sản	37.95	1.88%	1.62	219.66	7.00	4,368.00	8.69	1.67	3.79%	20.07%
VSC	Logistics	34.3	-1.01%	0.49	180.85	1.61	2,086.56	16.44	1.58	3.43%	9.43%
HAH	Logistics	49.75	1.84%	1.23	152.16	2.60	9,072.47	5.48	1.46	4.54%	34.36%
CTR	Công nghệ	72.2	-0.41%	1.44	359.07	0.60	4,040.07	17.87	4.72	10.02%	29.32%
TNG	Dệt may	20.8	1.96%	1.73	102.66	1.65	2,665.32	7.80	1.45	23.77%	19.35%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký